

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật Tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hà Hải Dương

2. Ngày tháng năm sinh: 19/02/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Đông Các, huyện Đông Hưng, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 59 phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 59 phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0986456606;

E-mail: hahaiduong.cwe@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 07/2004 đến 10/2009: Nghiên cứu viên - Phòng Tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Từ 07/2004 đến 06/2025: Nghiên cứu viên chính/Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Từ 10/2009 đến 12/2012: Phó trưởng phòng - Phòng Tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Từ 01/2013 đến 03/2017: Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Từ 04/2017 đến 06/2025: Nghiên cứu viên chính/Trưởng phòng - Phòng Tài nguyên nước và Biến đổi khí hậu tại Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Chức vụ hiện nay: Nghiên cứu viên chính/Trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng
Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Địa chỉ cơ quan: Số 2 ngõ 165 phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại cơ quan: 02435634809

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Thủy lợi, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ Thuật – Đại học Quốc Gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Thủy lợi; Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng DH [3] ngày 15 tháng 06 năm 2004, số văn bằng: B541007, ngành: Thủy nông, chuyên ngành: Thủy nông - Cải tạo đất

Nơi cấp bằng DH [3] (trường, nước): Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 13 tháng 10 năm 2008, số văn bằng: 015620, ngành: Kỹ Thuật, chuyên ngành: Kỹ Thuật và Quản lý

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Exeter, Vương quốc Anh

- Được cấp bằng TS [5] ngày 23 tháng 07 năm 2015, số văn bằng: 004257, ngành: Thủy lợi, chuyên ngành: Kỹ thuật Tài nguyên nước

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu thứ nhất:

Nghiên cứu giải pháp quản lý hạn hán tổng hợp và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc quản lý tài nguyên nước nhằm ứng phó với hạn hán.

Hướng nghiên cứu thứ hai:

Nghiên cứu giải pháp khoa học công nghệ khai thác, bổ cập và bảo vệ nguồn nước dưới đất tại vùng Tây Nguyên.

Hướng nghiên cứu thứ ba:

Nghiên cứu giải pháp quản lý tài nguyên nước tổng hợp nhằm đảm bảo an ninh nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Nhà nước;
- Đã công bố (số lượng) 47 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 1 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	2020
2	Bằng khen cấp Bộ NN&PTNT năm 2015	Cấp Bộ	2016
3	Bằng khen cấp Bộ NN&PTNT năm 2010	Cấp Bộ	2010

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ vào tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, ứng viên nhận thấy có đủ điều kiện đăng ký xét công nhận đạt chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2025 ngành Thủy lợi, cụ thể:

- Ứng viên tự thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo quy định tại Khoản 2 Điều 61 Luật Giáo dục, đó là: a) Có phẩm chất đạo đức, tư tưởng tốt; Luôn sống và làm việc theo chủ trương,

chính sách của Đảng, đường lối của Nhà nước và các quy định của Pháp Luật; b) Đã được đào tạo bài bản, có trình độ tốt về chuyên môn, nghiệp vụ; Tâm huyết với công tác nghiên cứu và sự nghiệp giáo dục, đào tạo; c) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; d) Có lý lịch bản thân rõ ràng. Ứng viên cũng đã và đang thực hiện tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại Điều 63 Luật Giáo dục.

- Ứng viên tự thấy mình có đủ tiêu chuẩn chung theo Điều 4 của Quyết định 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm: Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.
- Ứng viên được đào tạo chính quy về mặt chuyên môn, được công tác trong cơ quan khoa học đầu ngành về thủy lợi và tài nguyên nước, bản thân không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy; Phương pháp nghiên cứu khoa học; không ngừng cập nhật, áp dụng những kết quả nghiên cứu khoa học vào giảng dạy cũng như thực tế sản xuất.
- Trong công tác nghiên cứu khoa học, ứng viên đã làm Chủ nhiệm và tham gia chính thực hiện các đề tài KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ và đề tài cấp cơ sở tại Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam với tinh thần trung thực trong khoa học, liêm chính trong học thuật ở các công bố bài báo khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước. Kết quả nghiên cứu từ các đề tài KHCN đã được ứng dụng vào thực tế sản xuất ở các mức độ khác nhau.
- Trong công tác đào tạo ở bậc đại học, tham gia giảng dạy trực tiếp trên lớp và hướng dẫn luận văn Thạc sỹ, ứng viên luôn trau dồi, xây dựng phong cách mẫu mực của một nhà giáo, có phương pháp sư phạm tốt (đã học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên); Luôn nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, vị trí, yêu cầu của môn học được phân công giảng dạy, các quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của các Trường. Là giảng viên thỉnh giảng, ứng viên đã phát huy thế mạnh của mình đó là bổ sung các kiến thức thực tiễn từ các đề tài NCKH và dự án sản xuất vào bài giảng trên lớp cho sinh viên. Trong công tác đào tạo, ứng viên luôn trau dồi, nâng cao phương pháp giảng dạy để tăng cường năng lực công tác đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, có trách nhiệm và hoàn thành khối lượng thỉnh giảng theo quy định của Nhà trường.
- Ứng viên đảm bảo sức khỏe để hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tích cực tham gia hướng dẫn học viên cao học; đào tạo, tập huấn cho cán bộ của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam và ngành thủy lợi về phương pháp nghiên cứu khoa học; chuyên môn về kỹ thuật và quản lý tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, tình trạng dễ bị tổn thương, quản lý rủi ro thiên tai, vv...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 03 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015/2016						112	112/0/135
2	2016-2017			2			80	80/118/135
3	2018-2019			2			50	50/94/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2			78	78/93/135
5	2023-2024			1			137	137/23/135
6	2024-2025			1			203	203/53/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☒ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Vương quốc Anh năm 2008

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; - Trường Đại học Thủy lợi.

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc		X	X		05/2016 đến 09/2017	Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ Thuật – Đại học Quốc Gia Hà Nội.	22/11/2017
2	Nguyễn Thị Thu Vân		X		X	12/2016 đến 06/2017	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019
3	Nguyễn Minh Tú		X	X		02/2017 đến 10/2017	Trường Đại học Thủy lợi	08/05/2018
4	Phoutsadee Sida		X	X		08/2018 đến 04/2019	Trường Đại học Thủy lợi	24/10/2019
5	Trịnh Ngọc Thắng		X	X		08/2018 đến 04/2019	Trường Đại học Thủy lợi	14/05/2020
6	Nguyễn Thị Mai		X		X	03/2022 đến 07/2023	Trường Đại học Thủy lợi	29/08/2023

7	Lê Thị Minh Hạnh		X	X		03/2022 đến 06/2023	Trường Khoa học Liên ngành và Nghệ Thuật – Đại học Quốc Gia Hà Nội.	14/12/2023
8	Lê Viết Hùng		X		X	04/2023 đến 12/2023	Trường Đại học Thủy lợi	21/03/2024
9	Phạm Thị Hồng Vân		X	X		10/2024 đến 05/2025	Trường Đại học Thủy lợi	09/06/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực nông nghiệp và giải pháp ứng phó	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp, năm 2013	3	VC	(Phần 5: Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước và thủy lợi”, (trang 205- 244))	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
2	Quản lý hạn hán tổng hợp vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	CK	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2019	2	VC	(Chương 3: Hệ thống hỗ trợ quản lý hạn hán phục vụ sản xuất nông nghiệp	Số 16/GXN- VKHTLVN ngày 27/06/2019

						(Trang 66-106))	
3	Giải pháp an ninh nguồn nước cho vùng khô hạn	CK	Nhà Xuất bản Nông nghiệp, năm 2023	7	VC	(Chương 4. Xây dựng công cụ dự báo và giám sát hạn hán các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ (Trang 146-263))	Xác nhận sách chuyên khảo ngày 27/06/2023 của Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam
4	Redefining diversity and Dynamics of Natural Resources Management in Asia	TK	Nhà xuất bản Elsevier, năm 2016	3	VC	(Chapter 3 - Assessing and Calculating a Climate Change Vulnerability Index for Agriculture Production in the Red River Delta, Vietnam (Pages 27-40))	
5	Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững – Tác động, ứng phó thông minh và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2022	78	VC	(Phân vùng chất lượng nước trên các sông trực chính và trong hệ thống công trình thủy lợi	

						vùng ven biển đồng bằng sông Hồng dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng (trang 253- 271))	
--	--	--	--	--	--	---	--

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu lồng ghép biến đổi khí hậu trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	CN	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, cấp Nhà nước	01/01/2013 đến 31/12/2014	27/11/2015. Đạt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ nguồn nước trong các thành tạo Bazant phục vụ cấp nước sinh hoạt bền vững tại các vùng núi cao,	CN	ĐTĐL.CN-65/15, cấp Nhà nước	01/12/2015 đến 30/11/2018	27/05/2019. Đạt

	khan hiếm nước khu vực Tây Nguyên.				
3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao khả năng kết nối, truy cập thông tin về cảnh báo, dự báo và kế hoạch ứng phó với thiên tai cho cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới.	TK	3957/QĐ-BNN-KHCN, cấp Nhà nước	01/06/2018 đến 30/11/2020	04/03/2021. Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Đánh giá một số giải pháp và mô hình điển hình trong việc thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	3	Không	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 1, Trang 39-46	01/2014
2	Xây dựng các tiêu chí lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế	3	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 4, Trang 68-76	10/2014

	hoạch sản xuất nông nghiệp cấp xã phục vụ xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam							
3	Giải pháp nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn mới vùng ven biển đồng bằng sông Hồng	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 18, Trang 79- 85	10/2013
4	Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	2	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 7, Trang 18- 23	03/2012
5	Tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ thống công trình thủy lợi tại Việt Nam – Hiện trạng và biện pháp thích ứng	1	Có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 0866-7020			Trang 128-133	04/2011
6	Biến đổi khí hậu và Khả năng thích ứng tại thành phố Quy Nhơn	1	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 23, Trang 46- 54	09/2009
7	Tổng quan phương pháp luận đánh giá tình trạng dễ bị	1	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 22, Trang 101-104	07/2009

	tổn thương do biến đổi khí hậu							
8	Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước và thủy lợi	3	Có	Tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực nông nghiệp và giải pháp ứng phó. ISBN 978-604-60-0753-1			Phần 5; 42 trang	10/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
9	Tổng quan các phương pháp đánh giá an ninh nguồn nước và lựa chọn phương pháp khả thi áp dụng cho Việt Nam.	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 88, Trang 82-94	02/2025
10	Application of Artificial Intelligence to Forecast Drought Index for the Mekong Delta	7	Có	Applied Sciences. ISSN: 2076-3417	Uy tín - ISI IF: 2.5; Q1		30 pages	08/2024
11	Nghiên cứu thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt phân tán tại các khu dân cư trên địa bàn tỉnh Bến Tre	6	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 83, Trang 14-23	04/2024

12	Nghiên cứu lưu lượng tối thiểu để giảm thiểu ô nhiễm nước trong các hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 81, Trang 74-84	12/2023
13	Nghiên cứu tác động của mực nước đến chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Hồng	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 80, Trang 2-17	10/2023
14	Application of artificial intelligence for forecasting surface quality index of irrigation systems in the Red River Delta, Vietnam.	4	Không	Environmental Systems Research. ISSN: 2193-2697	Uy tín - ISI	28	17 pages	07/2023
15	Nghiên cứu tính toán chỉ số an ninh nước và đề xuất giải pháp nhằm đảm bảo an ninh nước của	3	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 3, Trang 40-52	08/2023

	tỉnh Ninh Thuận trong bối cảnh biến đổi khí hậu.							
16	Nghiên cứu ứng dụng các mô hình học máy để dự báo chỉ số chất lượng nước mặt vùng bán đảo Cà Mau	2	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 76, Trang 22-33	02/2023
17	Ứng dụng mô hình học sâu trong dự báo chất lượng nước mặt hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải.	2	Không	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 1, Trang 61-72	03/2023
18	Đánh giá mức độ an ninh nguồn nước các vùng của Việt Nam dựa trên chỉ số an ninh nước vùng	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 4, Trang 3-12	11/2022
19	Development and application of hybrid artificial intelligence models for groundwater potential mapping and assessment	10	Có	Vietnam Journal of Earth Sciences. ISSN:0866-7187	Uy tín - Scopus IF: 3.1, Q2		Volume 44, No.3, 20 pages	06/2022

20	Thách thức và khuyến nghị cho việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững về quản lý tổng hợp tài nguyên nước tại Việt Nam.	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 4, Trang 3-12	11/2021
21	Quadratic Discriminant Analysis Based Ensemble Machine Learning Models for Groundwater Potential Modeling and Mapping.	12	Có	Water Resour Manage. ISSN/eISSN: 0920-4741 / 1573-1650	Uy tín - ISI IF: 4.1		Volume 35 19 pages	09/2021
22	Giải pháp tổng hợp quản lý và cải thiện chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi ven biển vùng đồng bằng sông Hồng. Thí điểm áp dụng cho hệ thống An Kim Hải.	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 2, Trang 3-10	05/2021
23	Locally weighted learning based hybrid	10	Có	Geoscience Frontiers. ISSN/eISSN: 1674-9871	Uy tín - ISI IF: 8.5;		Volume 12, Issue 5, 15 pages	03/2021

	intelligence models for groundwater potential mapping and modeling: A case study at Gia Lai province, Vietnam.							
24	Chất lượng môi trường nước trong hệ thống công trình thủy lợi vùng ven biển đồng bằng sông Hồng.	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 1, Trang 5-13	01/2021
25	Nghiên cứu, lựa chọn giải pháp phù hợp xử lý nước thải, bảo vệ và cải thiện chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Kim Hải, thành phố Hải Phòng.	4	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 63, Trang 8-16	12/2020
26	Effective approach to Water purification from microbiological contamination	5	Không	Resource-Efficient Technologies, ISSN 2405-6529			No. 4, 09 pages	12/2020

	based on novel surface-modified adsorbents.							
27	Nghiên cứu giải pháp kết nối hệ thống cấp nước và đề xuất hệ thống cấp nước tập trung phục vụ cấp nước sinh hoạt vùng hạn, mặn ven biển đồng bằng sông Cửu Long.	1	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 61, Trang 47-56	08/2020
28	Công cụ giám sát hạn nông nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp và ứng phó hạn hán vùng Nam Trung Bộ. Thí điểm cho tỉnh Ninh Thuận.	1	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 3, Trang 24-34	08/2020
29	Groundwater Potential Mapping Combining Artificial Neural Network and Real AdaBoost Ensemble Technique: The	9	Không	International Journal of Environmental Research and Public Health. ISSN/eISSN: 1661-7827 / 1660-4601	Uy tín - ISI IF: 2.5; Q1		Volume 17, Issue 7, 22 pages	04/2020

	DakNong Province Case-study, Vietnam							
30	Soft Computing Ensemble Models Based on Logistic Regression for Groundwater Potential Mapping	13	Không	Applied Sciences. ISSN/eISSN: 2076-3417	Uy tín - ISI IF: 2.5, Q1		Volume 10, Issue 7, 24 pages	04/2020
31	Improvement of Credal Decision Trees Using Ensemble Frameworks for Groundwater Potential Modeling	10	Không	Sustainability. ISSN/eISSN: 2071-1050.	Uy tín - ISI IF: 3.3, Q2		Volume 12, Issue 7, 28 pages	03/2020
32	Application of SERVIR-Mekong RDCYIS tools to enhance drought forecast and warning generation in Ninh Thuan province.	5	Không	Vietnam Journal of Hydrometeorology. ISSN:2525-2208			Số 4, 09 trang	04/2020
33	Thực trạng khả năng kết nối và sử dụng thông	3	Có	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 58, Trang 33-46	02/2020

	tin dự báo, cảnh báo hạn hán của cộng đồng cấp xã. Nghiên cứu thí điểm tại tỉnh Đắk Lắk.							
34	Giải pháp khai thác nước bền vững phục vụ cấp nước sinh hoạt cho các vùng núi cao khan hiếm nước tại Tây Nguyên.	2	Có	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 1, Trang 48-57	02/2020
35	Quản lý hạn hán tổng hợp vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Chương 3: Hệ thống hỗ trợ quản lý hạn hán phục vụ sản xuất nông nghiệp.	2	Không	NXB Khoa học và Kỹ thuật. ISBN: 978-604-67-0840-7.			Trang 66-106	05/2019
36	Kết quả tính toán về tài nguyên nước dưới đất ở Tây Nguyên.	7	Không	Tạp chí Kỹ thuật Mỏ - Địa chất. ISSN: 1859 – 1469.			Tập 60, Số 5, Trang 11-17	10/2019
37	Application of science and technology measures to	3	Không	Proceeding of the international conference on Science and			Pages 107-116	11/2019

	respondings to drought impacts in south central and highland region.			Technology for water security disaster reduction and climate change adaptation. Science and Technics Publishing House, 2019. ISBN: 978-604-67-1627-3				
38	Water quality monitoring and management for domestic use and agriculture production in coastal irrigation sytems in the Red river delta, Vietnam.	3	Không	Proceeding of the international conference on Science and Technology for water security disaster reduction and climate change adaptation, Science and Technics Publishing House, 2019. ISBN: 978-604-67-1627-3			Trang 203-213	11/2019
39	Khoa học công nghệ quản lý hạn hán vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 50, Trang 19-27	12/2018
40	Xây dựng hệ thống giám sát hạn nông nghiệp bằng dữ liệu vệ tinh, thí điểm tại Ninh Thuận, Việt Nam.	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 50, Trang 38-44	12/2018

41	Đề xuất công cụ quản lý nguồn nước phục vụ hỗ trợ ra quyết định cho cấp nước sản xuất nông nghiệp nhằm ứng phó với hạn hán vùng Nam Trung Bộ.	3	Không	Tạp chí Khoa học và công nghệ thủy lợi. ISSN: 1859-4255			Số 49, Trang 34-43	11/2018
42	Assessing and Calculating a Climate Change Vulnerability Index for Agriculture Production in the Red River Delta, Vietnam.	3	Có	Redefining diversity and Dynamics of Natural Resources Management in Asia. Volume Two.Elsevier Publishing House. ISBN: 9780128054536.	Uy tín - Scopus		Pages 27-40	10/2017
43	Performance Assessment of Irrigation Schemes and Water Pollution Issues Raised in the Red River, Vietnam.	4	Không	International Journal of Environmental Protection and Policy. ISSN: 2330-7528 (Print); ISSN: 2330-7536 (Online).	Uy tín - Hệ thống CSDL quốc tế khác		Volume 6, Issue 1, 8 pages	01/2018
44	Nghiên cứu xây dựng khung quản lý hạn hán tổng	2	Không	Tạp chí Tài nguyên nước - Hội thủy lợi Việt Nam. ISSN: 1859-3771			Số 1, Trang 21-32	01/2016

	hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp.							
45	Lồng ghép biến đổi khí hậu vào quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới cấp xã.	2	Có	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN: 1859-4581			Số 18, Trang 42-48	09/2015
46	Giải pháp an ninh nguồn nước cho vùng khô hạn. Chương 4. Xây dựng công cụ dự báo và giám sát hạn hán các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ	7	Không	Nhà xuất bản Nông nghiệp. ISBN: 978-604-60 3730-9			Trang 146-263	12/2022
47	Phân vùng chất lượng nước trên các sông trực chính và trong hệ thống công trình thủy lợi ven biển Đồng bằng sông Hồng dưới tác động của Biến đổi khí hậu và	1	Có	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022. ISBN: 978-604-369-769-8			Trang 253-270	07/2022

	nước biển dâng.							
--	--------------------	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 5 ([10] [19] [21] [23] [42])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
----	------------------------	------------	------------------	---	---	----------------	--------------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	----------------------------	------------

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

1	Phương pháp khai thác và bổ cập nước ngầm phục vụ cấp nước sinh hoạt cho vùng khan hiếm nước	Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ KH&CN	05/04/2023	Hà Hải Dương/Nguyễn Tùng Phong, Nguyễn Minh Tiến, Trịnh Ngọc Thắng, Trương Ngọc Hiền	5
---	--	-------------------------------	------------	---	---

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
----	--	---------------------------	--	----------------------------------	------------

Không có

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Đủ 6 năm

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2018-2019/25 giờ.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 2015-2016/23 giờ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Thành phố Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm
2025**

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**